

Bản án số: 11/2022/DS-PT

Ngày: 01/3/2022

*“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất  
và đòi lại đất đường đi”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Tân Hoàng

- *Các Thẩm phán:* Ông Ngô Chiu

Bà Lê Thị Thái Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:* Ông Lê Văn Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 66/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi lại đất đường đi”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 17/TB-TA ngày 14/2/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Hồ Minh L, sinh năm 1947; Nơi cư trú: khu phố P, phường A, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Hương Q - Cộng tác viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Phú Yên. Có mặt

**2. Bị đơn:** Bà Hồ Thị T, sinh năm 1931; Nơi cư trú: thôn P, xã Hòa T, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Trần Thị Như T - Cộng tác viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Phú Yên. Có mặt

### **3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện P; Có đơn xét xử vắng mặt.
  2. Ủy ban nhân dân huyện P, Phú Yên; Có đơn xét xử vắng mặt.
  3. Ông Hồ Minh Q, sinh năm 1975; Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
  4. Ông Nguyễn G, sinh năm 1928; Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
  5. Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1964; Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
  6. Bà Cao Thị C, sinh năm 1970; Nơi cư trú: thôn Phú L, xã Hòa T, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
  7. Ông Hồ Minh L, sinh năm 1946; Nơi cư trú: thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
  8. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1945; Nơi cư trú: thôn Q, xã Hòa T, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
  9. Ông Hồ Tấn P; Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt
- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hồ Minh L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồ Minh L trình bày:** Ông yêu cầu bà Hồ Thị Th phải trả cho ông 34,6m<sup>2</sup> đất đường đi do bà lấn chiếm, để gia đình ông được sử dụng lối đi này đi vào phần đất phía trong của ông, theo Thông báo số 99/TB-UB ngày 14/11/1992 của UBND Thị xã T(cũ) đã phân chia cho gia đình ông 34,6m<sup>2</sup> đất đường đi và Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 23/01/2013 của UBND tỉnh Phú Yên giữ nguyên Thông báo số 99/TB-UB ngày 14/11/1992. Đồng thời ông yêu cầu bà T phải trả 56m<sup>2</sup> đất sản xuất nông nghiệp do bà lấn chiếm tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

**Tài liệu có tại hồ sơ bị đơn bà Hồ Thị Thảo trình bày:** Diện tích đất ông L đang tranh chấp 56m<sup>2</sup> đất sản xuất nông nghiệp là của gia đình bà, khi Nhà nước cân đối ND 64-CP thì giao cho hộ gia đình bà gồm 02 khẩu là bà và con là Hồ Minh Q, nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi 56m<sup>2</sup> đất nông nghiệp. Đối với diện tích 34,6m<sup>2</sup> đất đường đi ông L khởi kiện thì trước đây các cấp cũng đã giải quyết phân chia xong, phân định bằng tường rào lưới B40 giữa hai bên, cơ quan đã giải quyết có hiệu lực thi hành như: UBND huyện P, UBND tỉnh Phú Yên; Bản án số 03/2013/HCST ngày 29/9/2013 của TAND tỉnh Phú Yên và Bản án số

09/2013/HC-PT ngày 25/12/2013 của TANDTC tại Đà Nẵng, nên ông L yêu cầu cũng không có căn cứ pháp luật.

***Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân xã H vắng mặt không có lời trình bày.

- Ủy ban nhân dân huyện P vắng mặt không có lời trình bày.

- Ông Hồ Minh Q trình bày: Như lời trình bày của bị đơn bà Hồ Thị T.

- Ông Nguyễn G trình bày: Năm 1995 chỉ đứng tên mua giúp đất cho con là Nguyễn Tân K, đất mua của ông Hồ D cha đẻ của ông Hồ Minh L chứ việc tranh chấp giữa hai bên ông không liên quan, nên yêu cầu tòa xét xử theo thủ tục vắng mặt.

- Vợ chồng bà Cao Thị C, ông Nguyễn Tấn K trình bày: Năm 1995 cha ông K là ông Nguyễn G có đứng tên mua cho ông K thừa đất của ông Hồ D cha đẻ của ông Hồ Minh L), nên việc tranh chấp giữa hai bên vợ chồng ông không liên quan.

- Vợ chồng bà Ngô Thị T, ông Hồ Minh L trình bày: Năm 1995 cha ông L là ông Hồ D có ký giấy bán đất cho ông Nguyễn G, vợ chồng ông có ký xác nhận vào giấy bán đất còn việc tranh chấp giữa ông L và bà T, thì vợ chồng ông không liên quan, nên yêu cầu tòa giải quyết theo thủ tục vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, Phú Yên,

Căn cứ vào các Điều 163, 164 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

**Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Minh L về việc yêu cầu bà Hồ Thị T phải trả lại 34,6m<sup>2</sup> đất đường đi và 56m<sup>2</sup> đất sản xuất nông nghiệp tại thôn P, xã Hòa Thắng, huyện P, tỉnh Phú Yên vì không có căn cứ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019 nguyên đơn ông Hồ Minh L có đơn kháng cáo và ngày 15 tháng 6 năm 2019 nguyên đơn có đơn kháng cáo bổ sung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn ông Hồ Minh L và Luật sư của mình đều giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn và luật sư của mình yêu cầu HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Minh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Đối với tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất 34,6m<sup>2</sup> đất đường đi:** Theo Thông báo số 99/TB-UB ngày 14/11/1992 của UBND Thị xã T (cũ), các cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành đo đạc, cắm mốc, xác định ranh giới, chia đất đường đi cho hộ bà T và hộ ông Hồ D theo biên bản ngày 25/11/1992, hộ ông D không đồng ý nhưng vẫn chấp nhận phần đất của mình sử dụng, trong quá trình sử dụng đất khi còn sống ông Hồ D đã bán nhà và đất có cả 34,6m<sup>2</sup> đất đường đi cho ông Nguyễn G từ năm 1995, được các con của ông Hồ D ký xác nhận vào giấy bán nhà đất. Đồng thời tại buổi làm việc với Thanh tra tỉnh Phú Yên ngày 06/11/2012 xác định nội dung tại Bản án số 03/2013/HCST ngày 29/9/2013 của TAND tỉnh Phú Yên và Bản án số 09/2013/HC-PT ngày 25/12/2013 của TANDTC tại Đă Nẵg có nội dung ông Hồ Minh L thừa nhận ngày 08/7/1995 gia đình ông Hồ D (cha ông L) chuyển nhượng nhà và đất cho ông Nguyễn G (cha ông Nguyễn Tấn K) trong đó có phần diện tích 34,6m<sup>2</sup> đất đường đi. Sau khi mua nhà và đất giữa gia đình ông Nguyễn Tấn K và gia đình bà Hồ Thị T sử dụng đất theo ranh giới được phân định từ đó cho đến nay, không ai tranh chấp về ranh giới hiện trạng đất đang sử dụng, nên yêu cầu của ông L là không có cơ sở.

**[2] Đối với tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất 56m<sup>2</sup> đất sản xuất nông nghiệp:** Năm 1994 nhà nước thực hiện Nghị định 64/CP ông Hồ D kê khai đất ngày 14/10/1994 với tổng diện tích đất là 1.040m<sup>2</sup>, được Nhà nước cân đối giao 1.040m<sup>2</sup> đất tại thửa số 380, tờ bản đồ 439B, gia đình ông Hồ D đã sử dụng diện tích nêu trên ổn định không ai khiếu nại. Theo kết quả trích đo hiện trạng thực tế đất đang tranh chấp và các thửa đất liền kề với đất đang tranh chấp do Trung tâm Tài nguyên và Môi trường ký ngày 29/10/2012 thì gia đình ông Hồ D (cha ông L) sử

dụng diện tích đất là 1.060m<sup>2</sup> tại thửa 380, tờ bản đồ số 349B. Gia đình bà Hồ Thị T sử dụng diện tích đất là 418m<sup>2</sup> tại thửa 772, tờ bản đồ số 349B. Đối chiếu diện tích đất khi Nhà nước thực hiện Nghị định 64/CP giao cho các đương sự có trong sổ địa chính thì có sự chênh lệch, đất của gia đình ông Hồ D(cha ông L) sử dụng tăng thêm 20m<sup>2</sup> (1.060m<sup>2</sup> – 1.040m<sup>2</sup>); diện tích đất của bà T tăng thêm 98m<sup>2</sup> (418m<sup>2</sup> – 320m<sup>2</sup>), nên ông L yêu cầu bà T trả đất sản xuất nông nghiệp là không có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án ông L không yêu cầu Tòa án phải đo đạc lại toàn bộ các thửa đất nhà ông L, bà T, ông P mà ông L chỉ yêu cầu căn cứ vào các số liệu, kết quả đo đạc của Trung tâm Tài nguyên và Môi trường lập ngày 29/10/2012 để xét xử theo pháp luật.

Từ những căn cứ như trên, cần chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**[3] Về chi phí thẩm định tại chỗ, định giá và án phí:** Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Minh L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 163, 164 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Minh L về việc bà Hồ Thị T phải trả lại 34,6m<sup>2</sup> đất đường đi và 56m<sup>2</sup> đất sản xuất nông nghiệp tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên vì không có căn cứ.

2. *Về án phí:* Nguyên đơn ông Hồ Minh L được miễn án phí. Do đó hoàn lại cho ông Hồ Minh L số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp ở các biên lai thu tiền số 0007772 ngày 06/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

3. *Về chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ:* Ông Hồ Minh L phải chịu 2.000.000đồng (Đã nộp đủ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên; (2)
- TAND huyện Phú Hòa; (2)
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CCTHADS huyện Phú Hòa;
- P.KTNV-THA;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Tấn Hoàng**